

Phụ lục III

CHÔNG DỊCH KHI CÔNG BỐ DỊCH

(Kèm theo Kế hoạch số 448 /KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

Đvt: 1.000 đồng

PHẦN II: DỰ TOÁN KINH PHÍ CHÔNG DỊCH MỘT XÃ (khi công bố dịch)				
PHẦN A: DỰ TOÁN CÁC CHI PHÍ CỐ ĐỊNH				
STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí xã phường	Tổng
1	Chi phí tuyên truyền, họp BCD	8,500	30,200	38,700
1.1	Họp BCD (huyện): (BCĐ, các ngành liên quan = 50 người) x 20.000đ/người/buổi x 2 buổi	2,000		2,000
1.2	Tuyên truyền trên đài truyền thanh: Huyện, 05 xã x (2 lần/ngày/xã; trong 30 ngày) x100.000 đ/ngày	6000	30,000	36,000
1.3	Văn phòng phẩm photo biểu bảng báo cáo, quyết toán	500	200	700
2	Chi phí phun thuốc sát trùng tiêu độc	-	66,720	66,720
2.1	Thuốc sát trùng: tỉnh cấp			0
2.2	Chi phí phương tiện nhân công phun xịt (tùy thực tế nhưng không cao hơn 550đồng/m3), để đảm bảo tiết kiệm ngân sách và phù hợp thực tế 110 đồng/m2 x 600.000 m2		66,000	66,000
2.3	Nhiên liệu phun xịt: 30 lít x 24.000 đ/lít		720	720
3	Chi phí cho các Chốt	90,000		90,000
3.1	Chi phí chốt kiểm dịch huyện 3 chốt	45,000		45,000
a	Bồi dưỡng trực chốt tại xã có dịch: 03 người/chốt x 03 chốt x 30 ngày x 100.000đ/ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	27,000		27,000
b	Tiền thuê nhà: 03 chốt x 30 ngày x 150.000đ/ngày	13,500		13,500
c	Tiền điện, nước: 03 chốt x 30 ngày x 50.000đ/ngày	4,500		4,500
3.2	Chi phí chốt kiểm dịch tại xã 3 chốt		45,000	45,000
a	Bồi dưỡng trực chốt tại xã có dịch: 3 người/chốt x 3 chốt x 30 ngày x 100.000đ/ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		27,000	27,000
b	Tiền thuê nhà: 03 chốt x 30 ngày x 150.000đ/ngày		13,500	13,500
c	Tiền điện, nước: 03 chốt x 30 ngày x 50.000đ/ngày		4,500	4,500
4	Chi phí phục vụ kiểm tra, giám sát: 05 người x 10 ngày x 150.000đ/ngày	7,500		7,500
	TỔNG CỘNG	106,000	96,920	202,920
PHẦN B: DỰ TOÁN CÁC CHI PHÍ THAY ĐỔI THEO BỆNH				
	I. CÚM GIA CẦM	678,600	73,475	752,075
1	Chi phí tiêu hủy gia cầm	624,000	0	624,000
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia cầm tiêu hủy: 15.000 con x 35.000đ/con	525,000		525,000
1.2	Tiêu hủy gia cầm theo thực tế, dự kiến: 3.000đ/con x 15.000 con	45,000		45,000
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/ổ dịch x 30 ổ dịch x 100.000đ/ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	54,000		54,000
1.4	Tiêu hủy gia cầm nhập trái phép: tỉnh thực hiện			0
1.5	Trang bị bảo hộ 7 khoản: tỉnh cấp			0

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí xã phường	Tổng
2	Tiêm phòng vắc xin: tổ chức tiêm phòng cơ sở chăn nuôi gia cầm tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn gia cầm khoảng 125.000 con, mỗi xã có từ 2 đến 4 (TB=3) đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 15 đội tiêm phòng với 30 người, trong đó trực tiếp 15 người, gián tiếp 15 người	54,600	73,475	128,075
2.1	Dụng cụ, vật tư phục vụ tiêm phòng	0	3,325	3,325
a	Bơm tiêm, bộ vật tư thay thế, kim tiêm: Tinh cấp			0
d	Nước đá bảo quản vắc xin: 05 xã x 50.000 đ/xã		250	250
đ	Cồn sát trùng: 05 xã x 6 lít/xã x 40.000 đ/lít		1,200	1,200
e	Bông gòn: 05 xã x 1.5 kg/xã x 120.000 đ/kg		900	900
g	Xà phòng: 05 xã x 1.5 kg/xã x 30.000 đ/kg		225	225
h	Đèn pin sạc: 15 đội x 1 đội /cái x 50.000đ/cái		750	750
2.2	Bảo hộ lao động	0	3,000	3,000
b	Trang phục 7 khoản:tinh cấp			0
c	Áo mưa: 30 người x 1 cái/người x 50.000 đ/cái		1,500	1,500
đ	Ủng: 30 người x 1 đôi/người x 50.000 đ/đôi		1,500	1,500
2.3	Chi phí tiêm phòng	54,600	43,750	98,350
a	Tiền vắc xin Cúm gia cầm: 125.000 liều x 420 đ/liều	52,500		52,500
b	Vắc xin hao hụt 4%	2,100		2,100
c	Chi trả công tiêm phòng: 300-350 đồng/con x 125.000 con		43,750	43,750
2.4	Xăng xe tiêm phòng		8,400	8,400
b	Hỗ trợ cho người trực tiếp, gián tiếp tiêm phòng: 30 người x 01 lít/ ngày x 10 ngày x 24.000đ/ lít		7,200	7,200
c	Vận chuyển vắc xin, vật tư từ huyện về xã : 05 xã x 1 lít/ngày/xã x 10 ngày x 24.000 đ/lít		1,200	1,200
2.5	Chi hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng Tiền công người dẫn đường, ghi chép: 15 người x 10 ngày x 100.000 đồng /ngày (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		15,000	15,000
Dự toán chống dịch Cúm gia cầm trên một xã khi công bố dịch = PHẦN A + I, PHẦN B		784,600	170,395	954,995
II	LỖ MÒM LONG MÓNG	549,380	57,547	606,927
1	Chi phí tiêu hủy gia súc	266,500	6,900	273,400
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia súc bị tiêu hủy	230,500	-	230,500
a	Heo, dê, cừu: (1% tổng đàn 10.000 con) x 50 kg/con = 5.000 kg x 38.000đ/kg	190,000		190,000
b	Trâu, bò (1% tổng đàn 600 con) x 150 kg/con = 900 kg x 45.000đ/kg	40,500		40,500
1.2	Chi phí tiêu hủy gia súc		6,900	6,900
a	Heo, dê, cừu theo thực tế dự kiến: 60.000đ/con x 100 con		6,000	6,000
b	Trâu, bò theo thực tế dự kiến: 150.000 đ/con x 6 con		900	900

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí xã phường	Tổng
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/lần x 20 lần x 100.000đ ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	36,000		36,000
1.4	Chi phí tiêu hủy gia súc nhập trái phép (theo thực tế): tính thực hiện			
1.5	Trang bị bảo hộ 7 khoản: tính cấp			
2	Chi phí tiêm phòng bao vây ổ dịch cho các hộ chăn nuôi (tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn gia súc khoảng 13.000 con (heo, dê, cừu:10.000con, trâu, bò 3.000con) mỗi xã có 01 đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 5 đội tiêm phòng với 10 người, trong đó trực tiếp 5 người, gián tiếp 5 người)	282,880	50,647	333,527
2.1	Chi phí mua vắc xin	282,880		282,880
a	13.000 liều x 21.000 đ/liều	273,000		273,000
b	Vắc xin hao hụt 4%	9,880		9,880
2.2	Chi phí công tiêm phòng		39,200	39,200
a	Heo, dê, cừu: 10.000 mũi x 2.600 đ/mũi		26,000	26,000
b	Trâu, bò: 3.000 mũi x 4.400 đ/mũi		13,200	13,200
2.3	Chi phí bảo quản vắc xin: nước đá 10 ngày/xã x 5 xã x 50.000 đ/ngày		2,500	2,500
2.4	Vật tư phục vụ tiêm phòng: 13.000 con/30 con/cây x 800 đ/cây)		347	347
2.5	Xăng xe tiêm phòng		3,600	3,600
b	Hỗ trợ cho người trực tiếp, gián tiếp tiêm phòng:10 người x 01 lít/ ngày x 10 ngày x 24.000đ/ lít		2,400	2,400
c	Vận chuyển vắc xin, vật tư từ huyện về xã: 05 xã x 1 lít/ngày/xã x 10 ngày x 24.000 đ/lít		1,200	1,200
2.6	Hỗ trợ cán bộ dẫn đường: 05 người x 10 ngày x 100.000đ/công (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		5,000	5,000
Dự toán chống dịch LMLM trên một xã khi công bố dịch = PHẦN A + II, PHẦN B		655,380	154,467	809,847
III	BỆNH TAI XANH	572,000	33,767	605,767
1	Chi phí tiêu hủy gia súc	232,000	0	232,000
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia súc bị tiêu hủy: heo (1% của tổng đàn 10.000 con) x 50 kg/con =5.000kg x 38.000đ/kg	190,000		190,000
1.2	Tiêu hủy gia súc: theo thực tế dự kiến 60.000đ/con x 100 con heo	6,000		6,000
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/lần x 20 lần x 100.000đ/ ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	36,000		36,000
1.4	Tiêu hủy gia súc nhập trái phép: tính thực hiện			0

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí xã phường	Tổng
1.5	Trang bị bảo hộ 7 khoản: tỉnh cấp			0
2	Chi phí tiêm phòng bao vây ổ dịch cho các hộ chăn nuôi (tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn gia súc khoảng 10.000 con; mỗi xã có 01 đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 5 đội tiêm phòng với 10 người, trong đó trực tiếp 5 người, gián tiếp 5 người)	340,000	33,767	373,767
2.1	Chi phí mua vắc xin: 10.000 liều x 34.000đ/liều	340,000		340,000
2.2	Chi phí công tiêm phòng: heo 10.000 con x 2.600 đ/mũi		26,000	26,000
2.3	Chi phí bảo quản vắc xin: nước đá 10 ngày/xã x 5 xã x 50.000 đ/ngày		2,500	2,500
2.4	Kim tiêm phòng: 10.000 con/30 con/cây x 800 đ/cây		267	267
2.5	Hỗ trợ cán bộ dẫn đường: 01 người/xã x 5 xã x 10 ngày x 100.000đ/công (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		5,000	5,000
Dự toán chống dịch Tai xanh trên một xã khi công bố dịch = PHẦN A + III, PHẦN B		678,000	130,687	808,687
IV	BỆNH DTHCP	852,000		852,000
1	Chi phí tiêu hủy gia súc	852,000	0	852,000
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia súc bị tiêu hủy: (số heo tiêu hủy 2% tổng đàn 10.000/xã = 200 con thực hiện trong 40 lần) x 50 kg/con x 38.000đ/kg	380,000		380,000
1.2	Tiêu hủy gia súc (Quyết định số 13384/UBND-KTNS) dự kiến: 40 lần tiêu hủy bằng PP đốt (dưới 100 con/lần) x 10.000.000đ/lần	400,000		400,000
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/lần x 40 lần x 100.000đ ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	72,000		72,000
1.4	Tiêu hủy gia súc nhập trái phép: tỉnh thực hiện			
1.5	Trang bị bảo hộ 7 khoản: tỉnh cấp			
Dự toán chống dịch DTHCP trên một xã khi công bố dịch = PHẦN A + IV, PHẦN B		958,000	96,920	1,054,920
V	VIÊM DA NỘI CỤC	117,900	-	117,900
1	Chi phí tiêu hủy gia súc	117,900		117,900
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia súc bị tiêu hủy: trâu, bò (2,5% tổng đàn 600 con) x 150 kg/con = 2.250 kg x 45.000đ/kg.	101,250		101,250
1.2	Tiêu hủy gia súc: theo thực tế dự kiến 150.000 đ/con x 15 con.	2,250		2,250
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/ổ dịch x 8 ổ dịch x 100.000đ ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày).	14,400		14,400
1.4	Trang bị bảo hộ 7 khoản: tỉnh cấp			
1.5	Chi phí tiêu hủy gia súc nhập trái phép: tỉnh thực hiện			
2	TIÊM PHÒNG HỘ CN TRÂU BÒ NHỎ LỄ (lông ghép KH tiêm phòng hàng năm)	-		

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí xã phường	Tổng
Dự toán chống dịch VDNC trên một xã khi công bố dịch = PHẦN A + V, PHẦN B		223,900	96,920	320,820
VI	ĐẠI CHÓ MÈO (dự kiến xây ra 03 ổ dịch, mỗi ổ dịch 01 con bị bệnh và tiếp xúc 10 con xung quanh)	51,816	43,375	95,191
1	Chi phí tiêu hủy chó, mèo	7,200	0	7,200
1.1	Tiêu hủy chó, mèo theo thực tế, dự kiến: 60.000đ/con x 30 con	1,800		1,800
1.2	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/ổ dịch x 03 ổ dịch x 100.000đ/ngày (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	5,400		5,400
1.3	Trang bị bảo hộ lao động: tính cấp			
2	Tiêm phòng vắc xin: tổ chức tiêm phòng toàn bộ chó mèo khỏe mạnh tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn chó mèo khoảng 3.000 con, mỗi xã có từ 2 đến 4 (TB=3) đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 15 đội tiêm phòng với 30 người, trong đó trực tiếp 15 người, gián tiếp 15 người	44,616	43,375	87,991
2.1	Dụng cụ, vật tư phục vụ tiêm phòng	0	2,575	2,575
a	Ổng tiêm nhựa, cây chuyên dụng bắt chó: tính cấp			
c	Nước đá bảo quản vắc xin: 05 xã x 50.000 đ/xã		250	250
d	Cồn sát trùng: 05 xã x 6 lít/xã x 40.000 đ/lít		1,200	1,200
e	Bông gòn: 05 xã x 1.5 kg/xã x 120.000 đ/kg		900	900
f	Xà phòng : 05 xã x 1.5 kg/xã x 30.000 đ/kg		225	225
2.2	Bảo hộ lao động	0	1,500	1,500
b	Trang phục 7 khoản: tính cấp			
c	Ủng: 30 người x 1 đôi/người x 50.000 đ/đôi		1,500	1,500
2.3	Chi phí tiêm phòng	44,616	15,900	60,516
a	Tiền vắc xin Đại: 3.000 liều x 14.300 đ/liều	42,900		42,900
b	Vắc xin hao hụt: (4%) x 3.000 liều x 14.300 đ/liều	1,716		1,716
c	Chi trả công tiêm phòng : 5.300 đồng/con x 3.000 con		15,900	15,900
2.4	Xăng xe tiêm phòng	0	8,400	8,400
b	Hỗ trợ người trực tiếp, gián tiếp tiêm phòng: 30 người x 01 lít/ngày x 10 ngày x 24.000đ/ lít		7,200	7,200
c	Vận chuyển vắc xin, vật tư từ huyện về xã: 05 xã x 1 lít/ngày/xã x 10 ngày x 24.000 đ/lít		1,200	1,200
2.5	Chi hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng		15,000	15,000
	Chi trả tiền công người dẫn đường, ghi chép: 15 người x 10 ngày x 100.000 đồng /ngày (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		15,000	15,000
Dự toán chống dịch Đại chó, mèo trên một xã khi công bố dịch = PHẦN A + I, PHẦN B		157,816	140,295	298,111